

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/DS-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v tranh chấp **hợp đồng vay tài sản**  
**và thực hiện công việc không có ủy**  
**quyền.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Võ Lâm S;**

**2. Ông Nguyễn Văn Khanh;**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Thực hiện công việc không có ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Thanh S, sinh năm 1965; địa chỉ: số 490, ấp P2, xã B, huyện M, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 24A, đường T, thị trấn C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hà Thanh S trình bày: Ngày 05/01/2019, ông có cho ông Nguyễn Văn C vay số

tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích ông C vay để bổ sung vốn làm ăn và sinh hoạt trong gia đình. Việc vay tiền này có làm biên nhận ngày 05/01/2019. Cùng ngày, ông đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho ông C. Từ khi vay đến nay, ông C đóng lãi cho ông được 04 lần (từ ngày vay đến ngày 05/5/2019) được 20.000.000 đồng, thì ngưng cho đến nay. Ông có yêu cầu ông C đóng lãi và trả vốn gốc nhiều lần, thì ông C hứa trả nhưng không thực hiện.

Ngoài ra, do chỗ quen biết (bạn bè) nên ông C có yêu cầu ông nộp tiền điện lực thay cho ông C vào ngày 12/4/2018, với số tiền 25.623.508 đồng và ngày 01/11/2019, với số tiền 8.389.953 đồng, tổng cộng là 34.013.461 đồng. Ngày 20/5/2018, ông C có trả cho ông số tiền 5.623.508 đồng, là tiền ông đã nộp thay tiền điện lực cho ông C trong tổng số tiền 34.013.461 đồng. Như vậy, ông C còn nợ ông tiền điện lực mà ông đã nộp thay là: 34.013.461 đồng - 5.623.508 đồng = 28.389.953.

Nay, ông yêu cầu: Ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N (là vợ ông C) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền nộp tiền điện lực thay là 28.389.953 đồng. Xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi đối với tiền vay theo mức lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 05/01/2019 đến ngày 08/01/2020 làm tròn là 12 tháng, thành tiền  $200.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 12 tháng = 40.000.000$  đồng và rút lại yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền vay 200.000.000đ từ ngày 08/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử và xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 08/01/2020 là 67 ngày, thành tiền  $28.389.953đ \times 0.055\%/ngày \times 67 ngày = 1.046.138$  đồng và rút lại yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 08/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử đối với ông C, bà N. Đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng mà ông C đã đóng cho ông, thì ông không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi đã nhận vào vốn gốc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông S xác định rút lại yêu cầu đối với số tiền ông đã nộp tiền điện lực thay cho ông C, bà N là 28.389.953 đồng. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng, ông xác định ông cho ông C, bà N vay vào ngày 05/01/2019, với lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 năm. Nay ông yêu cầu ông C, bà N trả cho ông số tiền vốn 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử. Đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng ông đã nhận của ông C, bà N, ông đồng ý Tòa án điều chỉnh lãi suất theo quy định và đồng ý khấu trừ vào số vốn 200.000.000 đồng nếu ông nhận dư.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 05/01/2019, ông Hà Thanh S có cho ông Nguyễn Văn C vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, để bổ sung vốn làm ăn và sinh hoạt phí gia đình, có lập biên nhận. Từ khi vay đến nay, ông C đóng lãi cho ông S được 04 lần (từ ngày 05/01/2019 đến ngày 05/5/2019), tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ông C có nhờ ông S giúp nộp tiền điện thay 02 lần với tổng số tiền 34.013.461 đồng. Ngày 20/5/2018, ông C đã trả cho ông S được 5.623.508 đồng, Cn nợ tiền điện 28.389.953 đồng. Nay, ông S yêu cầu ông C và bà Lê Thị N (vợ của ông C) liên đới trả nợ vay 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền điện 28.389.953 đồng.

Phía ông C, bà N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông S và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thể hiện bằng biên nhận ngày 05/01/2019 có nội dung ông C có vay ông S 200.000.000 đồng, phía ông C không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông S nên căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

Về lãi suất, tại phiên tòa ông S yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông C chậm thực hiện nghĩa vụ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S nên việc ông S yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ và biên nhận nợ ngày 05/01/2019, không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nên lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) và được tính kể từ ngày khởi kiện 08/01/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 31/7/2020.

Riêng, bà N tuy không trực tiếp giao dịch và nhận tiền từ ông S nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và việc vay tiền là phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ chồng, nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà N liên đới cùng ông C trả ông S số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh S.
- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới trả ông Hà Thanh S số tiền vay 200.000.000 đồng.

- Tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay 200.000.000 đồng kể từ ngày 08/01/2020 đến ngày 31/7/2020 và khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận 20.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Thanh S đối với số tiền điện đã nộp thay 28.389.953 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn C. Ông C có nơi cư trú ấp M, xã Đ, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu ông C, bà N trả số tiền vay, trả số tiền nộp tiền điện lực thay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Thực hiện công việc không có ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nộp tiền điện lực thay là 28.389.953 đồng và tiền lãi của số tiền nộp tiền điện lực thay đối với ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông S là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng. Ông S cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 05/01/2019, có chữ ký tên của ông C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông C tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc ông C đã vay tiền của ông S

200.000.000 đồng vào ngày 05/01/2019 là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nay, ông S khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà N cùng với ông C trả số tiền vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa ông S với ông C, bà N không tham gia cùng với ông C trong giao dịch này. Tuy nhiên, bà N và ông C là vợ chồng, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo nguyên đơn trình bày thì mục đích ông C vay tiền để bổ sung vốn làm ăn và sinh hoạt trong gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc bà N cùng có trách nhiệm liên đới với ông C trả cho ông S số tiền vốn vay 200.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S, nên việc ông S yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên Tòa hôm nay, ông S xác định lãi suất thỏa thuận cho vay là 2,5%/tháng, thời hạn trả là 01 năm. Tuy nhiên, ông S xác định chứng cứ ông khởi kiện ông C là biên nhận nợ ngày 05/01/2019 và biên nhận nợ không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời hạn trả. Do đó, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi, nên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được tính được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm và được tính kể từ ngày khởi kiện (08/01/2020) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 31/7/2020). Cụ thể:

Từ ngày 08/01/2020 đến ngày 31/7/2020 là 205 ngày x 0,028%/ngày (10%/năm) x 200.000.000 đồng = 11.480.000 đồng.

Lãi suất ông S đã nhận dư: 20.000.000 đồng – 11.480.000 đồng = 8.520.000 đồng.

Trừ vào số vốn: 200.000.000 đồng – 8.520.000 đồng = 191.480.000 đồng.

[8] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc ông C, bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền vốn vay 191.480.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S nên phải chịu án phí và ông S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh S đối với ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hà Thanh S số tiền vốn vay 191.480.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án Cn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền Cn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh S đối với số tiền 28.389.953 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 08/01/2020 là 67 ngày, thành tiền  $28.389.953đ \times 0.055\%/ngày \times 67 \text{ ngày} = 1.046.138 \text{ đồng}$  và đình chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 08/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử đối với ông C, bà N.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 9.574.000 đồng (Chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N phải chịu.

Ông Hà Thanh S phải chịu 426.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.735.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0007990, ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Hoàn lại cho ông Hà Thanh S số tiền tạm ứng án phí 6.309.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn đồng).

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

